

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 119/2022/DS-ST

Ngày: 30/9/2022.

V/v: “*Kiện đòi tài sản*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Trường.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Ngô Văn Tuyển.

2/. Ông Nguyễn Văn Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Bình.

Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thùy Nguyên. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 276/2022/TLST-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2022. Về việc: “*Kiện đòi tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2022/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 9 năm 2022.

Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị P. Sinh năm: 1981.

Nơi đăng ký HKTT: Buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

1.1 **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

Ông Nguyễn Đức V. Sinh năm: 1983

Là: Luật sư – Văn phòng luật sư B, chi nhánh P, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 264 đường G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu T. Sinh năm: 1949.

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Nguyễn Văn L. Sinh năm: 1949.

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

3.2 Anh Nguyễn Phước T. Sinh ngày: 04/8/2004.

3.3 Anh Nguyễn Phước V. Sinh ngày: 20/6/2006.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Anh T và anh V đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người giám hộ cho anh Nguyễn Phước V là bà Nguyễn Thị P (mẹ đẻ của anh Nguyễn Phước V).

4. **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị H. Sinh năm: 1981.
Địa chỉ: Buôn Đắc Roleang 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2022 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, tại bản tự khai ngày 15/6/2022, trong quá trình đối chất, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Trước đây vợ chồng tôi làm ăn, tích góp mua được 01 thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 265920, tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 07, diện tích sử dụng 935m², do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 04/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Phước H và bà Nguyễn Thị P. Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: Xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Chồng tôi ông Nguyễn Phước H chết ngày 21/7/2021, theo trích lục khai tử số 877/TLKT-BS, ngày 04/8/2021 của UBND xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc, chồng tôi chết không để lại di chúc. Sau khi chồng tôi chết, gia đình tôi gặp không ít khó khăn, do có nhu cầu xây dựng nhà cửa và một khoản tiền để chăm lo sinh hoạt, học tập của các con nên vào ngày 21/3/2022 tôi đã đồng ý bán thửa nói trên cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981, trú tại buôn Đắc Roleang 1, xã Ea Uy, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk với giá 650.000.000 đồng, bà H đặt cọc trước cho tôi số tiền 300.000.000 đồng. Để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình văn phòng công chứng yêu cầu tôi phải làm văn bản phân chia di sản thừa kế thì mới làm được thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên bà Nguyễn Thị H, nếu không làm thủ tục này thì tôi không thể chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên bà H và phải trả lại tiền đặt cọc 300.000.000 đồng cho bà H và còn phải mất tiền phạt cọc.

Vì vậy, tôi đã bàn bạc với bố mẹ chồng tôi là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T và các anh em ruột của chồng tôi về việc bán thửa đất nêu trên (là tài sản chung của vợ chồng tôi). Sau khi bàn bạc, bố mẹ chồng tôi cùng các anh em ruột của chồng tôi đã đi đến thống nhất đó là tôi phải mang số tiền nhận đặt cọc bán đất 300.000.000 đồng đến Ngân hàng để mẹ chồng tôi bà Nguyễn Thị Thu T đứng tên **hộ** trong sổ tiết kiệm để sau này **tôi** sử dụng vào việc xây nhà ở trên thửa đất có diện tích khoảng 192m² (6m x 32m) mà bố mẹ chồng tôi cho vợ chồng tôi tại thôn 3, xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc để mẹ con tôi ở và thờ cúng chồng tôi thì tôi đồng ý. Vì vậy vào ngày 28/3/2022 tôi đã trực tiếp chở mẹ chồng tôi là bà Nguyễn Thị Thu T đem số tiền 300.000.000 đồng đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk gửi số tiền 300.000.000 đồng **và để** mẹ chồng là bà T đứng tên trong sổ tiết kiệm.

Đến ngày 31/3/2022 tôi cùng bố mẹ chồng đến phòng công chứng số 02 tỉnh Đắk Lắk ký kết "Văn bản phân chia di sản thừa kế". Theo đó, ông L, bà Thảo đồng ý tặng cho tôi phần di sản mà ông bà được hưởng của chồng tôi chết để lại (theo hàng

thừa kế thứ nhất) và tôi cũng đồng ý nhận phần di sản đó, thời điểm này các con của tôi chưa thành niên nên không tham gia ký kết văn bản phân chia di sản thừa kế. Văn bản này được lập hoàn toàn tự nguyện đúng theo ý chí của ông bà. Không có tranh chấp gì xảy ra.

Sau khi gửi **tiền tiết kiệm** được một thời gian thì mẹ chồng tôi đòi ý không chịu trả lại cho tôi số tiền trên để cho tôi xây nhà như đã dự tính mà có ý định chiếm đoạt số tiền trên nên tôi đã làm đơn trình báo đến Công an xã Tân Tiến và Công an huyện Krông Pắc để yêu cầu bà Thảo trả lại cho tôi số tiền 300.000.000 đồng mà ông bà đã chiếm giữ của tôi, sau đó Công an xã Tân Tiến có mời hai bên lên làm việc được khoảng 1, 2 lần nhưng đến nay bà Thảo vẫn không chịu trả cho tôi số tiền nào. Hành vi nêu trên của bà T đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi và các con tôi. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm hoàn trả cho tôi số tiền 300.000.000 đồng mà bà Thảo đã chiếm giữ của tôi. Ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình đối chất, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P là ông Nguyễn Đức V trình bày:

Tôi hoàn toàn nhất trí với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị P tại phiên tòa hôm nay, vì vậy tôi không trình bày bổ sung thêm ý kiến gì. Tôi yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà P số tiền 300.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà P, ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tại văn bản nêu ý kiến ngày 14/6/2022, trong quá trình đối chất, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Tôi có quan hệ là vợ của ông Nguyễn Văn L, là mẹ chồng của bà Nguyễn Thị P, bà P là vợ của ông Nguyễn Phước H (con đẻ của tôi), con tôi Nguyễn Phước H chết ngày 21/7/2021 không để lại di chúc. Tôi thừa nhận hiện nay tôi đang giữ số tiền đặt cọc bán đất 300.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị P tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc. Nguồn gốc của số tiền trên từ việc bà P bán thửa đất diện tích 935m², tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 07, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 265920, do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 04/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Phước H và bà Nguyễn Thị P. Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: Xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Bà P bán thửa đất nêu trên của vợ chồng bà P, ông H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân cho bà Nguyễn Thị H là hoàn toàn đúng sự thật.

Tuy nhiên tôi không đồng ý trả cho bà P số tiền 300.000.000 đồng với lý do đó là: Do bà P tự ý đi xem ngày để khởi công làm nhà ở trên thửa đất có diện tích khoảng 192m² (6m x 32m) mà vợ chồng chồng tôi đã cho vợ chồng bà P, ông H (con tôi) thửa đất tại thôn 3, xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc nhưng đến ngày làm nhà mà bà P không chịu làm nhà. Ngoài ra gia đình tôi có 10 người con, vợ chồng tôi chỉ cho mỗi người 05 mét đất chiều ngang, chiều dài 32 mét, nhưng hiện nay thửa đất vợ chồng tôi cho bà P có chiều ngang 06 mét nên bà P phải trả lại cho vợ chồng tôi 01 mét đất chiều ngang, chiều dài 32 mét và phải làm thủ tục tách thửa, chuyển

quyền sử dụng đất cho vợ chồng chúng tôi thì tôi mới đồng ý trả lại cho bà P số tiền 300.000.000 đồng.

Tôi không đồng ý hoàn trả cho bà P số tiền 300.000.000 đồng, tôi quyết tâm giữ số tiền này là để sau này tôi làm nhà cho các cháu của tôi Nguyễn Phước T, Nguyễn Phước V (con đẻ của bà P, ông H) ở và thờ cúng con tôi Nguyễn Phước H. Tôi chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền 300.000.000 đồng với điều kiện bà P phải làm nhà ở trên thửa đất vợ chồng chồng tôi cho vợ chồng bà P, ông H.

Tôi chỉ có duy nhất một yêu cầu này, 03 yêu cầu của tôi có trong văn bản nêu ý kiến ngày 14/6/2022 mà vợ chồng tôi đã giao nộp cho Tòa án thì tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng tôi cũng không làm đơn phản tố hoặc khởi kiện yêu cầu độc lập bà P về các dụng cụ là 01 máy tiện, 01 máy hàn, 01 máy khoan và 01 máy mài mà trước đây vợ chồng tôi mua cho bà P, ông H để mở tiệm cơ khí làm ăn, sau khi ông H (con đẻ tôi) chết bà P đã tự ý bán các dụng cụ nêu trên có giá trị khoảng 40.000.000 đồng - 50.000.000 đồng theo như nội dung trong văn bản nêu ý kiến ngày 14/6/2022. Vợ chồng tôi không làm đơn phản tố hoặc khởi kiện yêu cầu độc lập đối với bà P về 01 mét đất chiều ngang, chiều dài 32 mét như tôi đã trình bày nêu trên. Vợ chồng tôi cũng không làm đơn phản tố hoặc khởi kiện yêu cầu độc lập bà P về quyền thừa kế đối với số tiền 300.000.000 đồng. Tôi yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tại văn bản nêu ý kiến ngày 14/6/2022, trong quá trình hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày:

Tôi có quan hệ là chồng của bà Nguyễn Thị Thu T, là bố chồng của bà Nguyễn Thị P, bà P là vợ của ông Nguyễn Phước H (con đẻ của tôi) ông H chết ngày 21/7/2021 không để lại di chúc.

Tôi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tôi hoàn toàn đồng ý và nhất trí đối với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Thu T tại phiên tòa ngày hôm nay, vì vậy tôi không bổ sung ý kiến gì thêm. Vợ chồng tôi chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền 300.000.000 đồng với điều kiện bà P phải làm nhà ở trên thửa đất vợ chồng chồng tôi cho vợ chồng bà P, ông H.

Tôi chỉ có duy nhất một yêu cầu này, 03 yêu cầu của tôi có trong văn bản nêu ý kiến ngày 14/6/2022 mà vợ chồng tôi đã giao nộp cho Tòa án thì tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng tôi cũng không làm đơn phản tố hoặc khởi kiện yêu cầu độc lập đối với bà P về các dụng cụ là 01 máy tiện, 01 máy hàn, 01 máy khoan và 01 máy mài mà trước đây vợ chồng tôi mua cho bà P, ông H để mở tiệm cơ khí làm ăn, sau khi ông H (con đẻ tôi) chết bà P đã tự ý bán các dụng cụ nêu trên có giá trị khoảng 40.000.000 đồng - 50.000.000 đồng theo như nội dung trong văn bản nêu ý kiến ngày 14/6/2022. Vợ chồng tôi không làm đơn phản tố hoặc khởi kiện yêu cầu độc lập đối với bà P về 01 mét đất chiều ngang, chiều dài 32 mét. Vợ chồng tôi cũng không làm đơn phản tố hoặc khởi kiện yêu cầu độc lập bà P về quyền thừa kế đối với số tiền 300.000.000 đồng. Tôi yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2022, trong quá trình đối chất, hòa giải, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước T trình bày:

Tôi là con đẻ của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Phước H, bố tôi ông Nguyễn Phước H đã chết ngày 21/7/2021. Theo trích lục khai tử số 877/TLKT-BS, ngày 04/8/2021 của UBND xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc. Bố tôi chết không để lại di chúc. Tôi là cháu nội của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T.

Tôi có biết sự việc mẹ tôi Nguyễn Thị P bán thửa đất số 17, tờ bản đồ số 07, diện tích 935m², do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 04/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Phước H và bà Nguyễn Thị P. Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: Xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk cho bà Nguyễn Thị H như lời trình bày của mẹ tôi tại phiên hòa giải ngày hôm nay, thời điểm lúc này tôi chưa thành niên nên không tham gia ký kết văn bản phân chia di sản thừa kế. Tôi hoàn toàn đồng ý trong việc mẹ tôi cùng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T ký văn bản phân chia di sản thừa kế để mẹ tôi bán đất cho bà Nguyễn Thị H, bản thân tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì. Nay mẹ tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu bà nội tôi Nguyễn Thị Thu T trả lại số tiền 300.000.000 đồng thì tôi yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2022, trong quá trình đối chất, hòa giải, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước V trình bày:

Tôi là con đẻ của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Phước H, bố tôi ông Nguyễn Phước H đã chết ngày 21/7/2021. Theo trích lục khai tử số 877/TLKT-BS, ngày 04/8/2021 của UBND xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc. Bố tôi chết không để lại di chúc. Tôi là cháu nội của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T.

Tôi có biết sự việc mẹ tôi Nguyễn Thị P bán thửa đất số 17, tờ bản đồ số 07, diện tích 935m², do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 04/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Phước H và bà Nguyễn Thị P. Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: Xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk cho bà Nguyễn Thị H như lời trình bày của mẹ tôi tại phiên hòa giải ngày hôm nay, thời điểm đó cũng như lúc này bản thân tôi chưa thành niên nên không tham gia ký kết văn bản phân chia di sản thừa kế. Tôi hoàn toàn đồng ý trong việc mẹ tôi cùng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T ký văn bản phân chia di sản thừa kế để mẹ tôi bán đất cho bà Nguyễn Thị H, bản thân tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì. Tôi đồng ý để cho mẹ tôi là người giám hộ cho tôi trong việc tham gia tố tụng giải quyết vụ án này. Nay mẹ tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu bà nội tôi Nguyễn Thị Thu T trả lại số tiền 300.000.000 đồng thì tôi yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho các bên đương sự và triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tham gia phiên đối chất, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Do các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cho nguyên đơn bà P là ông Nguyễn Đức V yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà P số tiền 300.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước T, anh Nguyễn Phước V vắng mặt, có đơn xin xét xử vụ án vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 155, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P. Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đề ngày 24/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là “Kiện đòi tài sản”, được quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện: Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đề ngày 24/5/2022 là còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Xét nội dung đơn khởi kiện: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 300.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở pháp lý. Vì thực tế, vào ngày 21/3/2022 bà P đã đồng ý bán bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981, trú tại buôn Đắk Rôleang 1, xã Ea Uy, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk 01 thửa đất có diện tích 935m², tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 07, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 265920, do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 04/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Phước H và bà Nguyễn Thị P. Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: Xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc, tỉnh

Đất Lắc với giá 650.000.000 đồng, bà H đặt cọc trước cho bà P số tiền 300.000.000 đồng. Do chồng bà P là ông Nguyễn Phước H đã chết ngày 21/7/2021 không để lại di chúc, vì vậy để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên bà Nguyễn Thị H văn phòng công chứng yêu cầu bà P phải làm văn bản phân chia di sản thừa kế của các đồng thừa kế, nếu không làm thủ tục này thì bà P sẽ không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên bà H được thì ngoài việc trả lại tiền đặt cọc 300.000.000 đồng cho bà Hoa, bà P còn phải mất tiền phạt cọc theo quy định của pháp luật.

Sau khi bàn bạc với bố mẹ chồng là ông L, bà T cùng các anh em phía bên gia đình nhà chồng về việc bán thửa đất nêu trên cho bà H thì được mọi người đồng ý và đi đến thống nhất đó là bà P phải mang số tiền nhận đặt cọc bán đất 300.000.000 đồng đến Ngân hàng để mẹ chồng của bà P là bà Nguyễn Thị Thu T đứng tên trong sổ tiết kiệm để sau này sử dụng vào việc xây nhà ở và thờ cúng chồng của bà P là ông H trên thửa đất có diện tích khoảng 192m² (6m x 32m) tại thôn 3, xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc mà trước đó ông L, bà T đã cho vợ chồng bà P, ông H. Đến ngày 28/3/2022 bà P trực tiếp chở bà T đem số tiền 300.000.000 đồng đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, tại thôn 2, xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk để gửi số tiền 300.000.000 đồng vào sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00018487635 do bà Nguyễn Thị Thu T đứng tên.

Đến ngày 31/3/2022 bà P cùng ông L, bà T đến phòng công chứng số 02 tỉnh Đắk Lắk ký kết "Văn bản phân chia di sản thừa kế". Theo đó, ông L, bà Thảo đồng ý tặng cho bà P phần di sản mà ông L, bà Thảo được hưởng của ông Nguyễn Phước H (theo hàng thừa kế thứ nhất), thời điểm này các con của bà P là anh Nguyễn Phước T và anh Nguyễn Phước V chưa thành niên nên bà P là người đại diện tham gia ký kết văn bản phân chia di sản thừa kế. Văn bản phân chia di sản thừa kế do các bên xác lập là tự nguyện, không phát sinh tranh chấp.

Sau đó, do có nhu cầu xây nhà ở nên bà P đã nhiều lần yêu cầu bà T trả lại cho bà P số tiền 300.000.000 đồng thì bà T không chịu trả, bà P đã làm đơn trình báo đến Công an xã Tân Tiến và Công an huyện Krông Pắc để giải quyết. Công an xã Tân Tiến đã mời hai bên lên làm việc nhưng không thành. Toàn bộ sự việc nêu trên đều được các bên đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh.

Như vậy, việc bà T chiếm hữu của bà P số tiền cọc bán đất 300.000.000 đồng là không có căn cứ pháp luật.

Tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 155, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền

300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) là hoàn toàn thỏa đáng, đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T phải tính khoản tiền lãi suất phát sinh, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T, ông L yêu cầu bà P phải trả lại cho bà T, ông L 01 mét đất chiều ngang, chiều dài 32 mét trong phần diện tích đất 192m² (6m x 32m) tại thôn 3, xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc mà trước đây ông L, bà T đã cho vợ chồng bà P, ông H. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông L, bà T không làm đơn yêu cầu phản tố hoặc khởi kiện độc lập nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau này nếu phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự làm đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, Điều 195, Điều 203 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 155, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 357, Điều 429 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T phải tính khoản tiền lãi suất phát sinh, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T thuộc trường hợp người cao tuổi, vì vậy được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà bà Nguyễn Thị P đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0016212, ngày 30/5/2022.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt tại phiên

tòa) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

Phạm Hồng Trường